

**BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến xu thế mực nước:**

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm xuống chậm theo triều; mực nước thấp nhất ngày xuống trong 5 ngày tới.
- Nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất, thấp nhất ngày tại các trạm biến đổi chậm trong 1-2 ngày đầu, những ngày sau xuống chậm.

**2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 22/3 đến 26/3/2022**

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch       | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trưng | Mực nước thực đo (m) |                     |             | Mực nước dự báo (m) |       |       |       |       |
|-----|------------|------------------------|------------------|-------|--------|-----------|----------------------|---------------------|-------------|---------------------|-------|-------|-------|-------|
|     |            |                        | BĐ I             | BĐ II | BĐ III |           | 21/3                 | So với cùng kỳ 2021 | So với TBNN | 22/3                | 23/3  | 24/3  | 25/3  | 26/3  |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                   | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max       | 1.32                 | 0.31                | 0.33        | 1.34                | 1.32  | 1.30  | 1.27  | 1.25  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | -0.06                | 0.24                | -0.10       | -0.09               | -0.12 | -0.15 | -0.18 | -0.21 |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chường             | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max       | 1.47                 | 0.44                | 0.50        | 1.49                | 1.47  | 1.43  | 1.39  | 1.35  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | -0.13                | 0.29                | 0.11        | -0.16               | -0.19 | -0.23 | -0.27 | -0.31 |
| 3   | Khánh An   | Hậu                    | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max       | 1.10                 | 0.28                | 0.16        | 1.13                | 1.12  | 1.11  | 1.09  | 1.07  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | 0.40                 | 0.44                | 0.13        | 0.37                | 0.36  | 0.34  | 0.32  | 0.30  |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                    | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max       | 1.51                 | 0.36                | 0.48        | 1.53                | 1.51  | 1.48  | 1.45  | 1.42  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | 0.00                 | 0.30                | 0.04        | -0.03               | -0.06 | -0.09 | -0.12 | -0.16 |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                    | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max       | 1.52                 | 0.31                | 0.43        | 1.54                | 1.52  | 1.49  | 1.46  | 1.43  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | -0.12                | 0.28                | 0.25        | -0.15               | -0.18 | -0.22 | -0.27 | -0.31 |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao                | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max       | 1.44                 | 0.35                | 0.42        | 1.46                | 1.44  | 1.42  | 1.39  | 1.37  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | -0.07                | 0.31                | 0.09        | -0.10               | -0.13 | -0.17 | -0.22 | -0.26 |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế                | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max       | 0.43                 | 0.17                | 0.10        | 0.48                | 0.46  | 0.45  | 0.43  | 0.41  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | 0.19                 | 0.14                | 0.10        | 0.22                | 0.20  | 0.19  | 0.17  | 0.15  |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max       | 0.33                 | 0.19                | 0.08        | 0.38                | 0.36  | 0.35  | 0.33  | 0.32  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | 0.27                 | 0.19                | 0.05        | 0.30                | 0.28  | 0.27  | 0.25  | 0.24  |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn                | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max       | 0.41                 | 0.15                | 0.08        | 0.48                | 0.46  | 0.45  | 0.43  | 0.42  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | 0.21                 | 0.19                | 0.09        | 0.25                | 0.23  | 0.22  | 0.20  | 0.19  |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn                | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.57                 | 0.15                | 0.30        | 0.60                | 0.58  | 0.57  | 0.55  | 0.53  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | 0.44                 | 0.18                | 0.25        | 0.48                | 0.46  | 0.46  | 0.43  | 0.41  |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn               | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max       | 0.27                 | 0.13                | 0.09        | 0.34                | 0.32  | 0.30  | 0.29  | 0.28  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | 0.19                 | 0.14                | 0.07        | 0.24                | 0.22  | 0.21  | 0.19  | 0.18  |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê                 | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.67                 | 0.15                | 0.24        | 0.69                | 0.67  | 0.65  | 0.64  | 0.62  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | 0.54                 | 0.19                | 0.25        | 0.58                | 0.56  | 0.54  | 0.52  | 0.50  |
| 13  | Vĩnh Hanh  | Núi Chóc<br>Năng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max       | 0.93                 | 0.18                | 0.30        | 0.99                | 0.97  | 0.95  | 0.94  | 0.91  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | 0.55                 | 0.25                | 0.22        | 0.58                | 0.56  | 0.55  | 0.53  | 0.50  |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá<br>Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.67                 | 0.16                | 0.14        | 0.70                | 0.68  | 0.67  | 0.65  | 0.62  |
|     |            |                        |                  |       |        | Min       | 0.47                 | 0.21                | 0.13        | 0.49                | 0.47  | 0.46  | 0.45  | 0.43  |

**3. Cảnh báo (nếu có):**

**4. Ghi chú:**

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 22/3/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan